

Bản án số: 130/2020/DS-ST
Ngày 30 – 9 – 2020
V/v tranh chấp hội và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hội và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 425/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Ngô Văn A, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Đoàn Thúy N; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông Ngô Văn A và bà Võ Ngọc H, thể hiện:*

1. Ông A, bà H tham gia các dây hội do ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thúy N làm đầu thảo, gồm:

Dây hội thứ nhất: Mở ngày 05/02/2019, gồm 39 phần, loại 500.000 đồng/tháng, ông A, bà H tham gia 01 phần và góp hội đến hết tháng 02/2020 âm lịch được 13 lần với số tiền 6.500.000 đồng và ông T, bà N đã bỏ địa phương đi từ tháng 3/2020 âm lịch cho đến nay.

Dây hội thứ hai: Mở ngày 20/6/2019, gồm 33 phần, loại 500.000 đồng/tháng, ông A, bà H tham gia 02 phần và góp hội đến hết tháng 02/2020 âm lịch được 10 lần với số tiền 10.000.000 đồng và ông T và bà N đã bỏ địa phương đi từ tháng 3/2020 âm lịch cho đến nay.

2. Ông T, bà N tham gia các dây hội do ông A, bà H làm đầu thảo, gồm:

Dây hội thứ nhất: Mở ngày 10/01/2019, gồm 30 phần, loại 1.000.000 đồng/tháng, ông T, bà N tham gia 02 phần và đã hót các phần hội này. Ông T, bà N đã đóng hội đến hết kỳ thứ 15 thì bỏ đi khỏi địa phương; tính đến khi mãn hội thì còn thiếu 15 lần tương ứng với số tiền là 30.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Mở ngày 15/01/2019, gồm 32 phần, loại 1.000.000 đồng/tháng, ông T, bà N tham gia 02 phần và đã hót các phần hội này. Ông T, bà N đã đóng hội đến hết kỳ thứ 15 thì bỏ đi khỏi địa phương; tính đến khi mãn hội còn thiếu 17 lần tương ứng với số tiền là 34.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 19/6/2019 ông T, bà N mượn số tiền 70.000.000 đồng có làm biên nhận nợ, thỏa thuận mỗi tháng trả số tiền 30.000.000 đồng và ngày 22/02/2020 bà N hỏi mượn thêm 24.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận; sau đó ông T, bà N đã trả số tiền 27.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết ông A, bà H xác định: Do các dây hội của ông A, bà H làm đầu thảo chưa mãn nên đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu trả lại số tiền đã đóng thay từ tháng 03/2020 âm lịch đến tháng 07/2020 âm lịch (tương ứng là 05 lần) là 20.000.000 đồng, các lần đóng hội còn lại sẽ yêu cầu sau. Đối với số tiền mượn 24.000.000 đồng không làm biên nhận nhưng hiện nay ông T, bà N đã bỏ địa phương đi nơi khác nên ông A, bà H rút lại và sẽ khởi kiện yêu cầu trả số tiền này sau. Như vậy, tổng số tiền ông A, bà H yêu cầu ông T, bà N trả lại là 79.500.000 đồng (gồm tiền hội 36.500.000 đồng và tiền mượn 43.000.000 đồng).

* *Đối với ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thúy N:* Sau khi thụ lý vụ án, Cán bộ Văn phòng Thừa phát lại đã đến địa phương nơi ông T, bà N sinh sống để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đối với yêu cầu khởi kiện của ông A, bà H nhưng các đương sự không có mặt tại địa phương nên không thực hiện việc tổng đạt trực tiếp và đã làm các thủ tục niêm yết các văn bản này theo quy định của pháp luật nhưng ông T, bà N không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thúy N không còn cư trú theo địa chỉ mà ông Ngô Văn A, bà Võ Ngọc H cung cấp nên Cán bộ Văn phòng Thừa phát lại tỉnh

Cà Mau không trực tiếp tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì việc ông T, bà N thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho ông A và bà H biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Ông A, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T, bà N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông A, bà H rút lại yêu cầu trả số tiền 24.000.000 đồng (do không có biên nhận) và các lần hội ông T, bà N phải đóng từ tháng 08/2020 âm lịch cho đến khi kết thúc các dây hội của ông A, bà H để khởi kiện sau. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông A, bà H là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu đã rút là phù hợp; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông A, bà H phù hợp với các danh sách hội và xác nhận của ông Nguyễn Văn Đến, ông Trịnh Văn Lập, ông Trịnh Văn Quốc, ông Trịnh Văn Hòa, ông Nguyễn Vũ Phong, ông Trịnh Văn Khải, bà Nguyễn Thị Nguyệt, bà Lê Thị Lùng, ông Nguyễn Văn Lơ, ông Nguyễn Văn Tòng, ông Lê Văn Kên, ông Lê Văn Đảm, ông Phạm Văn Mùi và ông Nguyễn Tấn Lên thể hiện: Ông T, bà N đã bỏ địa phương đi từ tháng 3/2020 âm lịch cho đến nay. Ông A, bà H tham gia các dây hội của ông T, bà N mở vào các ngày 05/02/2019 và 20/6/2019; đồng thời, ông T, bà N tham gia các dây hội do ông A, bà H mở vào các ngày 10/01/2019 và 15/01/2019.

[5] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ, đối chiếu với các bản khai của ông A, bà H phù hợp với các xác nhận của người dân tham gia hội chung thấy rằng: Số tiền ông A, bà H đã đóng các dây hội đến thời điểm ông T, bà N bỏ đi là 16.500.000 đồng và số tiền các dây hội ông T, bà N thiếu lại ông A, bà H từ tháng 3/2020 đến tháng 07/2020 âm lịch (năm 2020 có 02 tháng 4 âm lịch) là 05 lần là 20.000.000 đồng. Đồng thời, theo biên nhận ngày 19/6/2019 thể hiện bà N mượn của bà H số tiền 70.000.000 đồng. Ông T, bà N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông A, bà H nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết ông A, bà H xác định ông T, bà N đã trả được số tiền 27.000.000 đồng và đồng ý đối trừ vào số tiền vay (mượn); ông T, bà N không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, đối trừ vào số tiền đã mượn thì ông T, bà N còn thiếu số tiền 43.000.000 đồng. Như vậy, ông A, bà H yêu cầu ông T, bà N trả tổng

số tiền 79.500.000 đồng (gồm tiền hui 36.500.000 đồng và tiền mượn 43.000.000 đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T, bà N phải chịu là: 3.975.000 đồng (79.500.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, các điều 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện ông Ngô Văn A và bà Võ Ngọc H về yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thúy N trả số tiền vay 24.000.000 đồng và các lần hui ông T, bà N phải đóng từ tháng 08/2020 âm lịch cho đến khi kết thúc các dây hui của ông A, bà H. Các đương sự có quyền khởi kiện lại về vấn đề này theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn A và bà Võ Ngọc H. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thúy N trả cho ông A, bà H tổng số tiền 79.500.000 đồng (bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông A, bà H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông T, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T và bà N phải chịu 3.975.000 đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

- Ông A và bà H không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông A, bà H số tiền đã nộp tạm ứng là 3.688.000 đồng (ba triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010887 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn